TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**124**/2022/DS-ST.
Ngày: 21/4/2022
V/v tranh chấp *"Hợp đồng tín dụng"*.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Đạt**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Hoa Kiều**.

2/ Ông **Nguyễn Phúc Viễn**.

-Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên**-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

-Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo không tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 264/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp *"Hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXX-ST ngày 21 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng A (A)**.

Trụ sở: Phố M, Quận N, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức A1– Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn A2 – Giám đốc Ngân hàng A – Chi nhánh Tiền Giang.

Địa chỉ: Đường M, Phường N, thành phố X, tỉnh Tiền Giang.

Người được ủy quyền lại: Anh **Phan Dương Ngọc A3**, sinh năm 1986 – Giám đốc phụ trách phòng giao dịch huyện Chợ Gạo. (có mặt)

Địa chỉ: Khu M1, thị trấn N1, huyện Y, Tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:*

1/ Bà **Nguyễn Thị Tuyết C**, sinh năm 1960. (vắng mặt)

2/ Ông **Huỳnh Văn D**, sinh năm 1959. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp M2, xã N2, huyện Y, Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A (A) trình bày:

Bà Nguyễn Thị Tuyết C và ông Huỳnh Văn D có ký các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 02/2018/11487998/HĐTD ngày 24/10/2018, số tiền cho vay là 1.000.000.0000 đồng, thời hạn vay 240 tháng, mục đích vay để xây nhà ở.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/11487998/HĐTD ngày 11/11/2019, số tiền cho vay là 2.500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay để bổ sung vốn nuôi gà.

- Hợp đồng tín dụng số 01/2020/11487998/HĐTD ngày 01/6/2020, số tiền cho vay là 550.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay để bổ sung vốn nuôi gà.

Để đảm bảo cho các khoản vay, bà Lê, ông D đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2018/11487998/HĐBĐ ngày 19/9/2018 và số 02/2018/11487998/HĐBĐ ngày 19/9/2018 để thế chấp các tài sản gồm:

- Giá trị quyền sử dụng đất có tổng diện tích 5.539,4 m^2 thuộc thửa 291, tờ bản đồ số 9 tọa lạc ấp M2, xã N2, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00613 ngày 07/3/2011 cho ông Huỳnh Văn D.

- Nhà ở tọa lạc ấp M2, xã N2, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 209 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo cấp ngày 25/8/2008 cho ông D, bà C.

- Giá trị quyền sử dụng đất có tổng diện tích 1.999 m^2 thuộc thửa 667 tờ bản đồ số 4 tọa lạc ấp M2, xã N2, huyện Chợ gạo, tỉnh Tiền Giang do ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đấ số CH07704 ngày 09/6/2011 cho ông D, bà C.

- Giá trị quyền sử dụng đất có tổng diện tích 1.944 m^2 thuộc thửa 854 tờ bản đồ số 4 tọa lạc ấp M2, xã N2, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện Chợ gạo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH07705 ngày 09/6/2011 cho ông D, bà C.

- Giá trị quyền sử dụng đất có tổng diện tích 1.513,9 m^2 thuộc thửa 311 tờ bản đồ số 9 tọa lạc ấp M2, xã N2, huyện Chợ gạo, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00904 ngày 07/3/2011 cho ông D, bà C.

Tính đến ngày 09/5/2021, bà C, ông D còn nợ của Ngân hàng các khoản tiền như sau:

- Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 02/2018/11487998/HĐTD ngày 24/10/2018: Nợ gốc 891.658.000 đồng, nợ lãi là 40.014.680 đồng, lãi quá hạn là 170.973 đồng.

- Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/11487998/HĐTD ngày 11/11/2019: Nợ gốc là 2.500.000.000 đồng, nợ lãi là 86.301.370 đồng, lãi quá hạn là 25.895.959 đồng.

- Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 01/2020/11487998/HĐTD ngày 01/6/2020: Nợ gốc 550.000.0000 đồng, nợ lãi là 22.150.685 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP Đàu tư và Phát triển Việt Nam yêu cầu ông Huỳnh Văn D và bà Nguyễn Thị Tuyết C phải liên đới trả lại số tiền vay còn nợ tạm tính đến ngày 09/5/2021 là 4.116.191.667 đồng và toàn bộ lãi, phí phạt phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ sau ngày 09/5/2021 cho đến khi bà C, ông D thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với Ngân hàng.

Trường hợp ông Huỳnh Văn D và bà Nguyễn Thị Tuyết C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý đối với tài sản đảm bảo để ưu tiên thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ của bà C và ông D đối với Ngân hàng.

Bị đơn là ông Huỳnh Văn D và bà Nguyễn Thị Tuyết C mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp C nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt và không có bản khai gửi đến Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm vấn công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] *Về pháp luật tố tụng*: Bị đơn là ông Huỳnh Văn D và bà Nguyễn Thị Tuyết C cư trú tại ấp M2, xã N2, huyện Chợ Gạo nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ông Huỳnh Văn D, bà Nguyễn Thị Tuyết C mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp C nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng

xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bố luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặc ông D, bà C.

[2] Giữa Ngân hàng A và ông Huỳnh Văn D, bà Nguyễn Thị Tuyết C có giao dịch dân sự trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện.

Đại diện ủy quyền của A trình bày ông Huỳnh Văn D, bà Nguyễn Thị Tuyết C có vay của Ngân hàng A thông qua 03 hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng số 02/2018/11487998/HĐTD ngày 24/10/2018, số tiền cho vay là 1.000.000.0000 đồng, thời hạn vay 240 tháng, mục đích vay để xây nhà ở; hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/11487998/HĐTD ngày 11/11/2019, số tiền cho vay là 2.500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay để bổ sung vốn nuôi gà; hợp đồng tín dụng số 01/2020/11487998/HĐTD ngày 01/6/2020, số tiền cho vay là 550.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay để bổ sung vốn nuôi gà. Trong quá trình vay ông D, bà C đã vi phạm, thực hiện không đúng theo nội dung hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tính đến ngày 09/5/2021, bà C, ông D còn nợ của Ngân hàng các khoản tiền như sau: Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 02/2018/11487998/HĐTD ngày 24/10/2018 gồm nợ gốc 891.658.000 đồng, nợ lãi là 40.014.680 đồng, lãi quá hạn là 170.973 đồng; dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/11487998/HĐTD ngày 11/11/2019 gồm nợ gốc là 2.500.000.000 đồng, nợ lãi là 86.301.370 đồng, lãi quá hạn là 25.895.959 đồng; dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 01/2020/11487998/HĐTD ngày 01/6/2020 gồm nợ gốc 550.000.0000 đồng, nợ lãi là 22.150.685 đồng.

Khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *"Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau: a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này; b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác."*

Xét thấy, việc ông Huỳnh Văn D, bà Nguyễn Thị Tuyết C đã không thực hiện đúng nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng về việc thanh toán tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng A là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận theo nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A buộc ông Huỳnh Văn D, bà Nguyễn Thị Tuyết C phải trả số tiền 4.617.499.772 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 3.941.658.000 đồng, tiền nợ lãi là 515.391.663 đồng và lãi phạt là 160.450.109 đồng (tính đến hết ngày

21/4/2022 theo Thông báo số 40/TB-A-PGDCG ngày 21/4/2022), trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời được xử lý đối với tài sản đảm bảo theo quy định của pháp luật để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông D, bà C đối với ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

[3] *Về án phí*: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

-Áp dụng Điều 463, khoản 5 Điều 466, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

-Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A. Buộc ông Huỳnh Văn D, bà Nguyễn Thị Tuyết C trả cho Ngân hàng A số tiền 4.617.499.772 đồng (bốn tỷ sáu trăm mười bảy triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm bảy mươi hai đồng), (trong đó tiền nợ gốc là 3.941.658.000 đồng, tiền nợ lãi là 515.391.663 đồng và lãi phạt là 160.450.109 đồng), trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Ngân hàng A có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Huỳnh Văn D, bà Nguyễn Thị Tuyết C chậm trả tiền thì ông D, bà C còn phải trả lãi theo lãi suất được quy định theo nội dung Hợp đồng tín dụng số 02/2018/11487998/HĐTD ngày 24/10/2018, hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/11487998/HĐTD ngày 11/11/2019, hợp đồng tín dụng số 01/2020/11487998/HĐTD ngày 01/6/2020 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; phải chịu phát mãi tài sản theo hợp đồng thế chấp số 01/2018/11487998/HĐBĐ ngày 19/9/2018 và số 02/2018/11487998/HĐBĐ ngày 19/9/2018 được ký kết giữa Ngân hàng A với ông Huỳnh Văn D và bà Nguyễn Thị Tuyết C

2.*Án phí:*

- Ông Huỳnh Văn D, bà Nguyễn Thị Tuyết C phải chịu 112.618.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng A được hoàn lại 56.058.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0005117 ngày 11/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo và cũng trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp C các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Tiền Giang;
-VKSND tỉnh Tiền Giang;
-VKSND huyện Chợ Gạo;
-Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán-Chủ Tọa Phiên Tòa

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Đạt